

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/DS-PT

Ngày: 13 - 7- 2020

“V/v Kiện đòi tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân.

Các Thẩm phán: Ông Vi Văn Chắt

Ông Nguyễn Anh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Đồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Nam - Kiểm sát viên.

Trong các ngày, 22 tháng 6 và ngày 13 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử công khai vụ án thụ lý số 65/2020/TLPT-DS ngày 01 tháng 4 năm 2020 về việc “Kiện đòi tài sản”.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số: 16/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 50/2020/QĐ-PT, ngày 13 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L. Có mặt.

Trú tại: Số nhà 37, đường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nông Thị Ngọc - Luật sư. Công tác tại: Văn phòng Luật sư Vinh Diên và Cộng sự.

2. Bị đơn: Công ty TNHH MTV du lịch và Thương mại Công đoàn N

Địa chỉ: Số 206, đường B, thị xã C, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Trung K, chức vụ: Giám đốc. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Tú, sinh năm 1977. Có mặt.

Công tác tại: Văn phòng Luật sư Hà Vinh, đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ văn phòng: Số 56, đường P, xóm 20, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Liên đoàn lao động tỉnh N.

Địa chỉ: Số 71A, đường Hồ Tùng Mậu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Chí C, chức vụ: Phó Chủ tịch.

Có mặt tại phiên tòa ngày 26/6/2020, vắng mặt tại phiên tòa ngày 13/7/2020.

4. *Người kháng cáo*: Công ty TNHH MTV du lịch và Thương mại Công đoàn N, bà Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Trong năm 2012 và năm 2013, bà Nguyễn Thị L và Công ty TNHH một thành viên Du lịch và Thương mại Công đoàn N thực hiện ký kết hợp đồng vay tài sản kèm theo các phiếu thu tiền như sau:

Ngày 16/11/2012, Công ty TNHH MTV Du lịch và Thương mại Công đoàn N vay của bà L số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 15 tháng, lãi suất 1,25%/tháng.

Ngày 08/01/2013, Công ty TNHH một thành viên Du lịch và Thương mại Công đoàn N vay của bà L số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay 14 tháng, lãi suất 1,25%/ tháng.

Ngày 28/01/2013, Công ty TNHH một thành viên Du lịch và Thương mại Công đoàn N vay của bà L số tiền 2.500.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 1,25%/ tháng.

Ngày 14/3/2013, Công ty TNHH một thành viên Du lịch và Thương mại Công đoàn N vay của bà L số tiền 900.000.000 đồng, thời hạn vay 14 tháng, lãi suất 1,25%/ tháng.

Ngày 28/3/2013, Công ty TNHH một thành viên Du lịch và Thương mại Công đoàn N vay của bà L số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 1,25%/ tháng.

Ngày 17/4/2013, Công ty TNHH một thành viên Du lịch và Thương mại Công đoàn N vay của bà L số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 1,25%/ tháng.

Ngày 11/6/2013, Công ty TNHH một thành viên Du lịch và Thương mại Công đoàn N vay của bà L số tiền 3.500.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 1,25%/ tháng.

Ngày 28/6/2013, Công ty TNHH một thành viên Du lịch và Thương mại Công đoàn N vay của bà L số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 1,25%/tháng.

Ngày 16/7/2013, Công ty TNHH một thành viên Du lịch và Thương mại Công đoàn N vay của bà L số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 1,25%/ tháng.

Tổng cộng số tiền mà Công ty vay là 14.500.000.000 (Mười bốn tỷ năm trăm triệu đồng), tính đến nay Công ty TNHH một thành viên Du lịch và Thương

mại Công đoàn N mới trả cho bà L được 9.500.000.000 (Chín tỷ năm trăm triệu) đồng. Đến ngày 09/11/2017, Công ty TNHH một thành viên Du lịch và Thương mại Công đoàn N và bà L làm biên bản xác nhận công nợ, theo đó công ty còn nợ bà L số tiền 10.694.803.330 (Mười tỷ sáu trăm chín mươi bốn triệu tám trăm linh ba nghìn ba trăm ba mươi) đồng và thống nhất từ năm 2018 đến năm 2020 trả cho bà L số tiền này. Tuy nhiên đến tháng 7 năm 2018, Công ty mới trả cho bà L được 300.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Do phía Công ty TNHH một thành viên Du lịch và Thương mại Công đoàn N không nghiêm túc thực hiện thanh toán công nợ theo thỏa thuận nên bà L khởi kiện Công ty TNHH một thành viên Du lịch và Thương mại Công đoàn N phải thanh toán cho bà L số tiền tính đến ngày 30/11/2018 là:

Tiền gốc 10.394.803.330 đồng, tiền lãi: 2.407.999.500 đồng (mức lãi suất 11,7%/năm tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/11/2018).

Tổng cộng: 12.802.802.830 (Mười hai tỷ, tám trăm lẻ hai triệu, tám trăm lẻ hai nghìn đồng, tám trăm ba mươi đồng).

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty TNHH một thành viên Du lịch và Thương mại Công đoàn N (sau đây gọi tắt là Công ty công đoàn Nghệ An) không có bản lời khai. Tuy nhiên, tại các đơn đề nghị và công văn mà bị đơn gửi cho Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò thể hiện nội dung:

Các hợp đồng vay tiền giữa Công ty TNHH một thành viên Du lịch và Thương mại Công đoàn N và cá nhân bà Nguyễn Thị L đã diễn ra từ rất lâu (năm 2012 và 2013), việc chuyển tiền vay và thanh toán cũng kéo dài nhiều năm. Trong khi đó đội ngũ nhân sự phụ trách của Công ty công đoàn Nghệ An hiện nay đã thay đổi vì vậy Công ty chưa thể tập hợp được đầy đủ hồ sơ, chứng từ liên quan đến vụ án để giao nộp cho Tòa phục vụ cho quá trình giải quyết vụ án cũng như để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công ty. Bà Nguyễn Thị L (người cho Công ty vay tiền) đã có đơn kiện đòi nợ Công ty công đoàn Nghệ An tại Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò. Ông Võ Hồng Viện - người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH một thành viên Du lịch và Thương mại Công đoàn N tại thời điểm ký kết Hợp đồng vay tiền. Công ty TNHH một thành viên Du lịch và Thương mại Công đoàn N là đơn vị 100% vốn nhà nước, chủ sở hữu là Tổng liên đoàn lao động Việt Nam; đại diện chủ sở hữu là Liên đoàn lao động tỉnh N, Công ty hoạt động phải tuân thủ theo Điều lệ công ty và đúng quy định Pháp luật về doanh nghiệp 100% vốn nhà nước.

Để giải quyết vấn đề trả nợ cho bà Nguyễn Thị L. Năm 2017, 2018 giữa bà Nguyễn Thị L và Công ty (đại diện là ông Nguyễn Đức H - Chủ tịch Công ty, nay đã chuyển công tác) đã làm việc, hai bên đã xác nhận công nợ phải trả và thời

hạn... Hai bên đã nhiều lần làm việc về vấn đề công nợ và cách tính lãi suất, thời điểm tính lãi suất ... nhưng vẫn chưa thống nhất chung. Bản thân ông Lê Trung Kiên mới được bổ nhiệm thay thế ông Nguyễn Đức Hùng . Ngày 10/5/2019 Công ty và ông Võ Hồng Viện (người được bà Nguyễn Thị L ủy quyền) đã có buổi làm việc nhưng chưa đến đi đến thống nhất các nội dung ... vì vậy Công ty cần nhiều thời gian để nghiên cứu tham vấn ý kiến của Luật sư về các vấn đề này, đồng thời báo cơ quan chủ quản, xin ý kiến mời đơn vị tư vấn luật để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho Công ty. Hiện nay Công ty đang tích cực tiến hành tham vấn ý kiến của Luật sư và kiểm tra, rà soát các hồ sơ, tài liệu liên quan về vấn đề này và mời chủ nợ đàm phán lại các nội dung cần bàn.

Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 22/7/2019, người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH một thành viên Du lịch và Thương mại Công đoàn N là ông Lê Trung Kiên đã cung cấp bản sao Điều lệ của Công ty, đồng thời vào ngày 24/7/2019 gửi Công văn số 31/CV-CT nêu ý kiến:

- Ngày 28/01/2018, Công ty không có ký kết Hợp đồng vay tiền của bà Nguyễn Thị L;

- Lãi suất Hợp đồng vay 2 tỷ đồng ngày 28/3/2013, ghi rõ mức lãi suất là 1,125%/tháng, nhưng trong đơn khởi kiện lại ghi 1,25%/ tháng là không đúng với Hợp đồng vay;

- Lãi suất Hợp đồng vay 500 triệu đồng ngày 16/4/2013, ghi rõ mức lãi suất là 1,125%/tháng, nhưng trong đơn khởi kiện lại ghi 1,25%/ tháng là không đúng với Hợp đồng vay;

- Lãi suất Hợp đồng vay 3,5 tỷ đồng ngày 11/6/2013, ghi rõ mức lãi suất là 1,125%/tháng, nhưng trong đơn khởi kiện lại ghi 1,25%/ tháng là không đúng với Hợp đồng vay;

- Lãi suất Hợp đồng vay 2 tỷ đồng ngày 28/6/2013, ghi rõ mức lãi suất là 1,125%/tháng, nhưng trong đơn khởi kiện lại ghi 1,25%/ tháng là không đúng với Hợp đồng vay;

- Lãi suất Hợp đồng vay 1,5 tỷ đồng ngày 16/7/2013, ghi rõ mức lãi suất là 1,125%/tháng, nhưng trong đơn khởi kiện lại ghi 1,25%/ tháng là không đúng với Hợp đồng vay;

Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo pháp luật và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bổ sung nội dung: Công ty thống nhất nội dung vay giữa công ty và bà Nguyễn Thị L. Tuy nhiên, đề nghị Tòa án tuyên các Hợp đồng cho vay được thiết lập giữa Công ty công đoàn Nghệ An vô hiệu. Công ty công đoàn Nghệ An không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền gốc và lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người làm chứng, ông Võ Hồng Viện khai: ông là chồng của bà Nguyễn Thị L. Thời điểm Công ty công đoàn Nghệ An ký kết hợp đồng vay tiền với bà L thì ông là Giám đốc. Mục đích vay tiền bà L là để Công ty thực hiện việc xây dựng khu khách sạn 7 tầng. Việc vay vốn đã được sự đồng ý về chủ trương của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, Liên đoàn lao động Nghệ An và đã được Kiểm toán công trình xây dựng khách sạn 7 tầng của Công ty. Tài liệu sổ sách của công ty đều thể hiện các khoản vay này. Đến khi ông nghỉ hưu vào năm 2016, ông đã bàn giao toàn bộ sổ sách trong đó có thể hiện khoản nợ của Công ty đối với bà Nguyễn Thị L cho ông Nguyễn Đức H, là Giám đốc mới của Công ty...

Tại phiên tòa sơ thẩm, người làm chứng, ông Nguyễn Đức Hùng khai: Ông nguyên là Giám đốc Công ty công đoàn Nghệ An. Ông thừa nhận trong sổ sách kế toán của Công ty công đoàn Nghệ An có khoản nợ của Công ty đối với bà Nguyễn Thị L. Khi ông tiếp nhận quản lý từ ông Võ Hồng Viện, ông cũng đã được bàn giao trong sổ sách khoản nợ này. Tuy nhiên ông không biết việc ông V ký vay có hợp pháp hay không.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An quyết định:

Căn cứ vào: Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Buộc Công ty TNHH một thành viên Du lịch và Thương mại Công đoàn N phải trả nợ cho bà Nguyễn Thị L số tiền tính đến ngày 29/11/2019 là 11.778.878.513 (Mười một tỷ, bảy trăm bảy tám triệu, tám trăm bảy tám nghìn, năm trăm mười ba đồng). Trong đó tiền gốc là 10.394.803.330 (Mười tỷ, ba trăm chín mươi tư triệu, tám trăm lẻ ba nghìn, ba trăm ba mươi đồng), tiền lãi là 1.384.075.183 (Một tỷ, ba trăm tám mươi tư triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn, một trăm tám mươi ba đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ của người phải chịu án phí, lãi suất và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12 tháng 12 năm 2019, bị đơn Công ty TNHH MTV du lịch và Thương mại Công đoàn Nghệ An kháng cáo với nội dung: Không đồng ý với toàn bộ bản án, quyết định của Tòa án nhân dân Thị xã Cửa Lò, kháng cáo với nội dung và lý do như sau:

- Tại trang 02 của bản án, mục: “Nội dung vụ án”: Ngày 28/01/2018 Công ty không có khoản vay này, mặc dù Công ty đã gửi Công văn số: 31, ngày 24/7/2019 gửi Tòa án Cửa Lò yêu cầu kiểm tra lại mục này. Phía bị đơn đã chấp nhận không có khoản vay này, nhưng Hội đồng xét xử vẫn đưa nội dung này vào là không đúng; Số tiền Công ty vay là 14.500.000.000 đ (Mười bốn tỷ năm trăm triệu) chứ không phải 14.500.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng) như trong bản án đã ghi.

- Tại trang 07, mục : “Nhận định của Tòa án” có ghi: “Bị đơn không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn với lý do chưa thống nhất mức tính lãi suất với nguyên đơn....” Tại phiên Tòa diễn biến không phải như nội dung trên, đại diện theo ủy quyền nêu trước Tòa là căn cứ theo quy định của pháp luật tại Luật Doanh nghiệp 2005, luật dân sự 2005 và luật dân sự 2015 thì các giao dịch trên là vô hiệu. Vì vậy không chấp nhận tính lãi suất.

- Tại bản án không đưa ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

- Thời điểm năm 2012, 2013 ông Võ Hồng Viện là giám đốc công ty đã ký Hợp đồng vay tiền giữa Công ty với bà Nguyễn Thị L (vợ ông V) để vay tiền nhiều lần với số tiền là: 14.500.000.000 đồng (mười bốn tỷ, năm trăm triệu đồng). Tất cả các hợp đồng ông V ký vay tiền của vợ đều không có sự đồng ý của đại diện Chủ sở hữu công ty và không đúng quy định tại Điều 75 Luật doanh nghiệp 2005 về Hợp đồng, giao dịch của Công ty với những người có liên quan.

Bà Nguyễn Thị L là vợ của ông Võ Hồng V, là người liên quan đối với Giám đốc. Việc ông V lập hợp đồng vay tiền của vợ mình mà không tuân theo quy định tại khoản 1, Điều 75 Luật Doanh nghiệp; Điều 128 Luật Dân sự 2005 ; Điều 123 Luật Dân sự 2015 thì Hợp đồng, giao dịch đó bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Việc Tòa án nhân Thị xã Cửa Lò chỉ căn cứ vào biên bản xác nhận công nợ mà không căn cứ tính hợp pháp của các hợp đồng vay tiền giữa vợ chồng ông Võ Hồng Viện và bà Nguyễn Thị L là không đúng qui định của pháp luật. Không thể xác nhận một khoản nợ từ một hợp đồng vay trái qui định của pháp luật.

- Công ty TNHH một thành viên Du lịch và Thương mại Công đoàn N là Doanh nghiệp 100% vốn của tổ chức Công đoàn Việt Nam. Tổng liên đoàn lao động Việt Nam là chủ sở hữu của Công ty TNHH một thành viên Du lịch và Thương mại Công đoàn N, Liên đoàn lao động tỉnh N là đại diện chủ sở hữu. Công ty TNHH một thành viên Du lịch và Thương mại Công đoàn N hoạt động theo Luật doanh nghiệp, quy chế tổ chức quản lý tài chính của Tổng liên đoàn và điều lệ của Công ty.

Theo quy định tại Quyết định 1073 của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam ngày 01/9/2011 quy định về quy chế tổ chức, quản lý tài chính Doanh nghiệp Công đoàn thì chủ sở hữu và đại diện chủ sở hữu chịu trách nhiệm về các khoản nợ và

nghĩa vụ tài sản khác...(Điều 5, Quyết định 1073); Giám đốc công ty chỉ có quyền quyết định các dự án đầu tư, hợp đồng vay, cho vay... có giá trị thấp hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất (Điều 6, Quyết định 1073). Tổng giá trị tài sản của Công ty năm 2012 là: 12.290.685.655 đồng, nhưng ông V đã ký Hợp đồng vay tiền của vợ của mình tại Hợp đồng vay tiền ký ngày 11/6/2013 (Hợp đồng không có số) và Phụ lục hợp đồng ký ngày 01/10/2013, số tiền: 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng); Tại Hợp đồng vay tiền ký ngày 28/01/2013 (Hợp đồng không có số) và Phụ lục Hợp đồng 01/10/2013, số tiền: 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng), là không thực hiện đúng theo Quyết định 1073 của Tổng liên đoàn lao động Việt nam.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông V tham gia tố tụng với tư cách đại diện cho nguyên đơn (bà Nguyễn Thị L). Sau những lần phiên tòa tạm ngừng, bên phía bị đơn có ý kiến triệu tập ông V với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để buộc ông V phải chịu trách nhiệm về các Hợp đồng vay tiền trái pháp luật của mình. Tuy nhiên, tại phiên tòa xét xử ngày 29/11/2019 Tòa án chỉ triệu tập ông Võ Hồng Viện với tư cách là người làm chứng nên Công ty TNHH một thành viên Du lịch và Thương mại Công đoàn N tiếp tục đề nghị Tòa án phúc thẩm xác định ông Võ Hồng Viện tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để từ đó xác định được trách nhiệm của ông Võ Hồng Viện phải chịu khi ký kết Hợp đồng không đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm vụ án, xem xét lại toàn bộ hồ sơ, tuyên bố các hợp đồng vay tiền được ký kết giữa Công ty TNHH một thành viên Du lịch và Thương mại Công đoàn N và bà Nguyễn Thị L từ tháng 11/2012 đến tháng 7/2013 (có cụ thể tại hồ sơ vụ án) vô hiệu. Công ty TNHH một thành viên Du lịch và Thương mại Công đoàn N đồng ý thanh toán cho bà Nguyễn Thị L số tiền 14.500.000.000 đồng (mười bốn tỷ, năm trăm triệu đồng) và đã thanh toán được cho bà Nguyễn Thị L 9.800.000.000 đồng (Chín tỷ, tám trăm triệu đồng), Công ty TNHH một thành viên Du lịch và Thương mại Công đoàn N sẽ tiếp tục thanh toán cho bà L số tiền 4.700.000.000 đồng, không chấp nhận thanh toán tiền lãi. Đề nghị xem xét số tiền số tiền án phí mà Công ty phải nộp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Công ty TNHH MTV du lịch và Thương mại Công đoàn Nghệ An giữ nguyên nội dung kháng cáo và bổ sung nội dung đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các hợp đồng vô hiệu, xem xét lại khoản vay 2,5 tỉ đồng; Đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/DSST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò để xét xử sơ thẩm lại theo thủ tục chung.

Ngày 13/12/2019, bà Nguyễn Thị L kháng cáo với nội dung: Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò quyết định không đúng thực tế, phương hại đến quyền lợi của

bà. Cụ thể, về thời hạn tính lãi suất, bà đề nghị áp dụng tính lãi suất kể từ ngày 01/01/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Buộc Công ty phải trả cho bà 1.657.000.000 đồng tiền lãi suất. Tại phiên tòa, bà L thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận các hợp đồng vay tiền, buộc Công ty phải trả cho bà số tiền lãi là 3.073.253.681 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các bên đương sự chấp hành đúng quy định về phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xác minh, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, thiếu người tham gia tố tụng. Công ty TNHH một thành viên Du lịch và Thương mại Công đoàn N do Tổng liên đoàn lao động Việt Nam thành lập, Tổng liên đoàn lao động Việt Nam là đại diện chủ sở hữu của Công ty và ủy quyền cho Liên đoàn lao động tỉnh N đại diện chủ sở hữu, 100% vốn của Công ty TNHH một thành viên Du lịch và Thương mại Công đoàn N do Tổng liên đoàn lao động Việt Nam giao, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Tổng liên đoàn lao động Việt Nam vào tham gia tố tụng là thiếu sót. Bản án sơ thẩm buộc Công ty TNHH một thành viên Du lịch và Thương mại Công đoàn N phải thanh toán khoản nợ cho bà L là không đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3, điều 308, điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/DSST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bị đơn Công ty TNHH MTV du lịch và Thương mại Công đoàn N làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Xét nội dung kháng cáo của Công ty TNHH MTV du lịch và Thương mại Công đoàn N, kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Trong năm 2012 và năm 2013, bà Nguyễn Thị L và Công ty TNHH MTV Du lịch thương mại công đoàn N (đại diện ông Võ Hồng V Giám đốc Công ty là chồng bà L) thực hiện ký kết hợp đồng vay tài sản kèm theo các phiếu thu tiền như sau:

Ngày 16/11/2012, Công ty TNHH MTV Du lịch thương mại công đoàn Nghệ An vay của bà L số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 15 tháng, lãi suất 1,25%/ tháng.

Ngày 08/01/2013, Công ty TNHH MTV Du lịch thương mại công đoàn N vay của bà L số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay 14 tháng, lãi suất 1,25%/ tháng.

Ngày 28/01/2013, Công ty TNHH MTV Du lịch thương mại công đoàn N vay của bà L số tiền 2.500.000.000đ, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 1,25%/ tháng.

Ngày 14/3/2013, Công ty TNHH MTV Du lịch thương mại công đoàn N vay của bà L số tiền 900.000.000 đồng, thời hạn vay 14 tháng, lãi suất 1,25%/ tháng.

Ngày 28/3/2013, Công ty TNHH MTV Du lịch thương mại công đoàn N vay của bà L số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 1,25%/ tháng.

Ngày 17/4/2013, Công ty TNHH MTV Du lịch thương mại công đoàn N vay của bà L số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 1,25%/ tháng.

Ngày 11/6/2013, Công ty TNHH MTV Du lịch thương mại công đoàn N vay của bà L số tiền 3.500.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 1,25%/ tháng.

Ngày 28/6/2013, Công ty TNHH MTV Du lịch thương mại công đoàn N vay của bà L số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 1,25%/tháng.

Ngày 16/7/2013, Công ty TNHH MTV Du lịch thương mại công đoàn N vay của bà L số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 1,25%/ tháng.

Tổng cộng số tiền mà Công ty vay là 14.500.000.000 (Mười bốn tỷ năm trăm triệu đồng), tính đến nay Công ty TNHH MTV Du lịch thương mại công đoàn N mới trả cho bà L được 9.500.000.000 (Chín tỷ năm trăm triệu đồng).

Đến ngày 09/11/2017, công ty TNHH MTV Du lịch thương mại công đoàn N và bà L làm biên bản xác nhận công nợ, theo đó Công ty còn nợ bà L số tiền 10.694.803.330 (Mười tỷ sáu trăm chín mươi bốn triệu tám trăm linh ba nghìn ba trăm ba mươi đồng) và thống nhất từ năm 2018 đến năm 2020 trả cho bà L số tiền này. Tuy nhiên đến tháng 7 năm 2018, công ty mới trả cho bà L được 300.000.000 đồng.

Bà L khởi kiện Công ty TNHH MTV Du lịch thương mại công đoàn N phải thanh toán cho bà L số tiền tính đến ngày 30/11/2018 là:

Tiền gốc 10.394.803.330 đồng, tiền lãi: 2.407.999.500 đồng (mức lãi suất 11,7%/năm tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/11/2018).

Tổng cộng: 12.802.802.830 (Mười hai tỷ, tám trăm lẻ hai triệu, tám trăm lẻ hai nghìn đồng, tám trăm ba mươi đồng).

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án thể hiện, ông Võ Hồng Viện tại thời điểm vay tiền của bà L là giám đốc Công ty TNHH MTV Công đoàn N, việc vay tiền là chủ trương của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, mục đích vay là để xây dựng trụ sở khối khách sạn 7 tầng của Công ty. Nhưng quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu các đương sự cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan

đến việc thực hiện dự án xây dựng khách sạn 7 tầng, cũng như không xác minh làm rõ chủ đầu tư xây dựng công trình là ai? Nguồn vốn đầu tư do ai chi trả? Công ty, Giám đốc Công ty được phép thực hiện những công việc gì? Trách nhiệm trả nợ thuộc về tổ chức, cá nhân nào để có căn cứ giải quyết là chưa đầy đủ.

[2.3] Căn cứ vào 09 hợp đồng vay tiền do ông Võ Hồng V - Giám đốc Công ty ký kết năm 2012, 2013 vay bà Nguyễn Thị L với tổng số tiền 14,5 tỷ đồng đều thể hiện mục đích là xây dựng trụ sở khối khách sạn 7 tầng, tổng vốn đầu tư 68.138.739.000 đồng; tại phiên tòa sơ thẩm ông V (tham gia với tư cách nhân chứng) trình bày khi ký các hợp đồng vay tiền ông đã có văn bản xin chủ trương của Liên đoàn lao động tỉnh, Tổng liên đoàn lao động Việt Nam và khoản nào vay vượt thẩm quyền thì ông đều đã xin chủ trương và có sự chấp nhận của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam và Liên đoàn lao động tỉnh N. Bị đơn Công ty TNHH MTV Du lịch thương mại công đoàn Nghệ An, Liên đoàn lao động tỉnh N đề nghị làm rõ các khoản vay của ông V có vượt thẩm quyền không? Có được sự cho phép của chủ sở hữu hay không? Việc ông V là giám đốc, ký hợp đồng vay tiền của vợ là bà L có đúng quy định của pháp luật không? Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu ông V cung cấp tài liệu, chứng cứ có sự đồng ý của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên đoàn lao động tỉnh N cho phép ông V ký kết hợp đồng vay tài sản; không xem xét việc ông V ký kết các hợp đồng vay tiền có vượt thẩm quyền hay không; với mục đích vay để đầu tư xây dựng cơ bản thì ông V có được ký kết hợp đồng vay không, nếu có thì ông V được ký vay số tiền bao nhiêu; khoản vay nào vượt thẩm quyền và có được sự đồng ý của Chủ sở hữu hay không; ông V và bà L có quan hệ vợ chồng thì việc ký kết hợp đồng được quy định như thế nào để có căn cứ xem xét giải quyết vụ án là chưa đầy đủ.

[2.4] Công ty TNHH MTV Công đoàn Nghệ An ký 09 hợp đồng vay tiền với bà L, tổng số tiền 14,5 tỷ đồng với mục đích xây dựng trụ sở khách sạn của Công ty do ông Võ Hồng Viện (Giám đốc) đại diện ký kết. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn yêu cầu đưa ông V vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để buộc ông V phải chịu trách nhiệm với hợp đồng ký trái pháp luật nhưng Tòa án không chấp nhận mà tại phiên tòa Tòa án đưa ông V tham gia với tư cách là nhân chứng là không đúng quy định của pháp luật.

Để có căn cứ xác định phạm vi đại diện và hậu quả của giao dịch dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện vượt quá phạm vi đại diện nếu có theo quy định tại Điều 139, 143 Bộ luật dân sự thì lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải đưa ông V vào tham gia tố tụng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông V vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không đúng quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.5] Theo công văn số 1720 ngày 12/11/2019 của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam cung cấp thì Tổng liên đoàn lao động Việt Nam là chủ sở hữu toàn bộ tài sản của tổ chức công đoàn.

Theo Quy chế tổ chức, quản lý tài chính doanh nghiệp Công đoàn của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam tại khoản 2, điều 1 quy định: “Công ty TNHH MTV 100% vốn của tổ chức công đoàn”

Tại khoản 1 Điều 2 quy định: “Tổng liên đoàn lao động Việt Nam là chủ sở hữu tài sản, nguồn vốn thuộc quyền sở hữu của tổ chức Công đoàn và đại diện chủ sở hữu các tài sản hình thành từ nguồn ngân sách Nhà nước cấp hoặc có nguồn gốc ngân sách nhà nước do Công ty TNHH MTV của công đoàn đang quản lý và sử dụng để hoạt động sản xuất, kinh doanh và vốn của tổ chức công đoàn đầu tư vào doanh nghiệp khác. Tổng liên đoàn trực tiếp quản lý các Công ty TNHH MTV trực thuộc và thống nhất quản lý các Công ty TNHH MTV của công đoàn; phần vốn của tổ chức công đoàn đầu tư vào doanh nghiệp”.

Khoản 2, Điều 5 quy định: “Chủ sở hữu và đại diện chủ sở hữu chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác trong phạm vi số vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV trực thuộc theo quy định của pháp luật”

Như vậy, Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam là chủ sở hữu toàn bộ tài sản của tổ chức công đoàn, ủy quyền cho Liên đoàn lao động tỉnh N làm đại diện chủ sở hữu, (Giấy phép kinh doanh của Công ty thể hiện chủ sở hữu là Liên đoàn lao động tỉnh N) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam vào tham gia tố tụng là không đúng quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Công ty TNHH MTV 100% vốn do Tổng liên đoàn lao động Việt Nam giao, nhưng bản án sơ thẩm buộc Công ty phải thanh toán khoản nợ cho bà L là không đúng quy định của pháp luật, gây khó khăn cho công tác thi hành án.

Đây là những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò giải quyết lại theo thủ tục chung.

[2.6] Về kháng cáo đề nghị xem xét lại án phí sơ thẩm của Công ty TNHH MTV Du lịch và Thương mại công đoàn N: Bản án sơ thẩm buộc Công ty phải trả cho bà L số tiền 11.778.878.513 đồng và buộc Công ty phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 119.778.878 đồng là đúng quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 và tiết e điểm 1.3 tiểu mục 1 mục II phần A Danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016 ngày 31/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[2.7] Đối với nội dung kháng cáo của bà L về thời hạn tính lãi và số tiền lãi: Biên bản xác nhận công nợ được lập ngày 09/11/2017, trong đó chốt công nợ đến ngày 31/10/2017. Và tại mục 5 của Biên bản xác nhận công nợ ghi rõ “Công ty TNHH MTV Du lịch và Thương mại công đoàn Nghệ An không thực hiện đúng như cam kết thì số tiền trên vẫn tính lãi...”. Tại mục 4 của Ban cam kết thể hiện việc trả lãi được thực hiện trong các tháng 6,7,8 trong các năm, vào tháng 7/2018, Công ty công đoàn Nghệ An đã chuyển trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 300.000.000 đồng. Sau thời điểm này, Công ty không trả cho bà Nguyễn Thị L khoản tiền nào nữa. Do đó, cấp sơ thẩm xác định thời điểm vi phạm nội dung thỏa thuận là từ tháng 8/2018 và tiền lãi được tính từ ngày 01/8/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ. Đối với số tiền lãi bà L yêu cầu, do phải xem xét lại các hợp đồng vay tiền nên chưa có căn cứ xem xét nội dung này.

[2.8] Ngoài ra cấp sơ thẩm còn có một số vi phạm: Ông Võ Hồng V nguyên giám đốc Công ty TNHH MTV là chồng của bà Nguyễn Thị L và là người ký các hợp đồng vay tiền của bà L, trong vụ án bị đơn cho rằng ông V thực hiện hợp đồng vay vượt quá thẩm quyền nên các bên đương sự còn có tranh chấp về lãi suất tiền vay. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận ủy quyền của bà L xác nhận ông V tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bà L; ông V đã viết bản tự khai và Tòa án triệu tập ông V tham gia phiên họp công khai chứng cứ; hòa giải là không đúng quy định tại khoản 1, 2 Điều 87 Bộ luật tố tụng dân sự; một số lỗi chính tả về số học và ngày tháng năm hợp đồng, bản án không phản ánh ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan... mà bị đơn kháng cáo, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm

[3] Về án phí: Công ty TNHH một thành viên Du lịch và Thương mại Công đoàn N, bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của Công ty TNHH một thành viên Du lịch và Thương mại Công đoàn N; chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị L. Tuyên xử:

1. Hủy Bản án sơ thẩm số 16/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

- Trả lại cho Công ty TNHH MTV du lịch và thương mại Công đoàn Nghệ An 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên

lai thu tiền số 0000222 ngày 18/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị L 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009225 ngày 20/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND TX.Cửa Lò;
- Chi Cục THADS TX.Cửa Lò;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Hồng Vân